

JMRC九州ジムカーナ ジュニアシリーズ 成績表

順位	B-K クラス	所属クラブ 3台以上 3戦以上 (出走台数)	SR-1	SR-2	SR-3	SR-4	SR-5	獲得合計	有効点数 4戦
			4/23 T-XT	5/21 RC熊本	6/11 V	7/16 RTCR	9/10 T-OM		
			3台	3台	4台	3台	4台		
1	永野 幸秀	V	15	20	12	20	20	87	75
2	植山 剛徳	CMSC長崎	20	12	10	12	10	64	54
3	石平 明洋	V	-	15	20	-	15	50	50
4	田村 直人	V	-	-	15	15	12	42	42

JMRC九州ジムカーナ ジュニアシリーズ 成績表

順位	B-FF クラス	所属クラブ 3台以上 3戦以上 (出走台数)	SR-1	SR-2	SR-3	SR-4	SR-5	獲得合計	有効点数 4戦
			4/23 T-XT	5/21 RC熊本	6/11 V	7/16 RTCR	9/10 T-OM		
			9台	8台	6台	12台	4台		
1	高橋 和希	RC-大分	20	20	20	20	-	80	80
2	清水 和彦	C&C	15	15	15	12	15	72	60
3	藏前 幸樹	TCF	4	8	12	8	20	52	48
4	久保田 匡紀	TCF	10	10	-	4	12	36	36
5	竹村 吏駒	QUCC	8	4	10	10	-	32	32
6	松本 弥青	TCF	3	6	-	2	10	21	21
7	猪熊 悠平	ACK	12	-	8	-	-	20	20
8	早田 洋介	RC-大分	-	-	-	15	-	15	15
9	岩本 裕史	RTCR	-	12	-	-	-	12	12
10	渡邊 裕之	C&C	6	-	-	-	-	6	6
10	工藤 徳人	QUCC	-	-	-	6	-	6	6
12	仲西 佑真	QUCC	-	-	-	3	-	3	3
13	田中 健翔	QUCC	-	-	-	1	-	1	1
-	田嶋 慶彦	TCF	-	-	-	0	-	0	0

JMRC九州ジムカーナ ジュニアシリーズ 成績表

順位	B-FR クラス	所属クラブ 3台以上 3戦以上 (出走台数)	SR-1	SR-2	SR-3	SR-4	SR-5	獲得合計	有効点数 4戦
			4/23 T-XT	5/21 RC熊本	6/11 V	7/16 RTCR	9/10 T-OM		
			16台	15台	17台	15台	12台		
1	行武 忠孝	C&C	20	20	20	20	-	80	80
2	毛利 遥都	TCF	0	10	12	15	20	57	57
3	島 祐太	V	8	15	10	10	15	58	50
4	小川 孝	V	12	8	15	12	10	57	49
5	河崎 大輔	RTCR	15	12	6	-	-	33	33
6	長島 清二	C&C	10	6	0	4	6	26	26
7	江口 英司	TCF	6	R	0	-	12	18	18
8	足立 智紀	RC-大分	-	-	8	2	8	18	18
9	堀 亮介	QUCC	3	4	-	6	-	13	13
10	山崎 重夫	RC-大分	2	2	3	3	-	10	10
11	竹田 昇平	C&C	0	3	1	1	4	9	9
12	齋藤 蓮	QUCC	-	-	-	8	-	8	8
13	北方 稔陽兒	GRP	1	0	4	-	-	5	5
14	黒田 幹大	GRP	4	0	0	-	-	4	4
15	中島 康太郎	TCF	0	0	0	0	3	3	3
16	伊藤 えりか	C&C	0	1	2	-	-	3	3
17	宮脇 航祐	TCF	-	-	0	0	2	2	2
18	小林 孝至	C&C	-	-	-	0	1	1	1
-	瀬戸 広己	RAPS	0	-	-	-	-	0	0
-	岩本 一夫	C&C	-	0	0	0	R	0	0

JMRC九州ジムカーナ ジュニアシリーズ 成績表

順位	B-4WD クラス	所属クラブ 3台以上 3戦以上 (出走台数)	SR-1	SR-2	SR-3	SR-4	SR-5	獲得合計	有効点数 不成立
			4/23 T-XT	5/21 RC熊本	6/11 V	7/16 RTCR	9/10 T-OM		
			0台	0台	0台	0台	0台		
			不成立	不成立	不成立	不成立	不成立		不成立
			成立	成立	成立	成立	成立		成立